

VĂN HÓA - LỊCH SỬ

MỘT BƯỚC TÌM VỀ NGUYÊN TÁC *TRUYỆN KIỀU*:Khảo luận về các thành ngữ “*Rút dây động rừng*” và “*Tai vách mạch rừng*”

Lê Mạnh Chiến*

I. Các cụm từ “*rút dây động rừng*” và “*tai vách mạch rừng*” trong *Truyện Kiều*

Đây là những thành ngữ rất quen thuộc đối với người Việt, được đặt vào câu 1.580 (“*Rút dây sợ nữa động rừng lại thôi*”) và câu 1.755 (“*Ở đây tai vách mạch rừng*”) trong *Truyện Kiều*.

Câu thứ nhất được Nguyễn Du dùng để diễn tả tâm trạng của Thúc Sinh khi chàng có ý định nói thật với vợ cả về việc mình đã lấy Thúy Kiều ở Lâm Truy, nhưng lại ngại ngùng, sợ rằng “*rút dây*” thì sẽ “*động rừng*” nên đành ú ớ loanh quanh, không dám nói đến điều ấy nữa:

1.575 *Chàng về xem ý tứ nhà,
Sợ mình cũng rấp làn la giải bày.
Mấy phen cười nói tỉnh say,
Tóc tơ bất động mấy may sự tình.
Nghĩ đà bưng bit miệng bình
Nào ai có khảo mà mình lại xưng.
Những là e ấp, dùng dằng,
1.580 *Rút dây, sợ nữa động rừng lại thôi.**

Nào ngờ, vợ cả của chàng là Hoạn Thư đã biết chuyện này và đã chuẩn bị “đôi sách”. Sau nhiều ngày cùng nhau vui vầy, “Đèn khuya chung bóng, trăng tròn sánh vai”, khi Thúc Sinh lên ngựa trở về với Thúy Kiều thì Hoạn Thư liền sai ngay bọn Ứng, Khuyến đi thuyền đến Lâm Truy sớm hơn để bắt cóc kẻ tình địch đem về nhà mẹ mình làm nhục và hành hạ vùi dập cho hả cơn ghen tức. Mẹ của Hoạn Thư bắt Thúy Kiều nhập vào đám nô tỳ, tiếp tục uy hiếp và xét nét mọi cử chỉ, mọi hành vi của nàng. Mụ quản gia thấy tình cảnh Thúy Kiều bị giám sát nghiêm ngặt nên động lòng thương xót, bèn có lời căn dặn:

1.755 *Dạy rằng: “May rủi đã đành,
Liều bỏ, mình giữ lấy mình cho hay.
Cũng là oan nghiệp chi đây,
Sa cơ mới đến thế này, chẳng dưng.
Ở đây, tai vách mạch rừng,
Thấy ai người cũ cũng đừng nhìn chi.
Kẻo khi sấm sét bất kỳ,
Con ong cái kiến kêu gì được oan.”*

Lúc nhỏ tuổi, sống ở nông thôn, được nghe các bà mẹ hoặc các bà cụ già đọc thuộc lòng từng đoạn rất dài trong *Truyện Kiều*, tôi cũng nhập tâm được khá nhiều câu, nhiều đoạn và cảm thấy rất thích thú. Những câu “*Những là e ấp dùng dằng /*

* Thành phố Hà Nội.

Rút dây sợ nữa động rừng lại thôi” và *“Ở đây tai vách mạch rừng / Thấy ai người cũ cũng dừng nhìn chi”* có lẽ thuộc loại hay nhất và dễ thuộc nhất, diễn tả rất sinh động tình cảnh của Thúc Sinh và của Thúy Kiều một cách chân thực, chính xác. Trong câu *“Rút dây sợ nữa động rừng lại thôi”*, Nguyễn Du đã bẻ đôi thành ngữ *“rút dây động rừng”* một cách linh hoạt, tự nhiên. Mối quan hệ nhân-quả *“rút dây → động rừng”* là điều hiển nhiên, nói đến là nhiều người cứ ngỡ như sự việc đang diễn ra trước mắt.

Về cụm từ *“tai vách mạch rừng”*, cuốn *Vương Thúy Kiều chú giải tân truyện* do Trần Đà Nguyễn Khắc Hiếu khảo chú cho biết rằng, cụm từ này xuất phát từ câu tục ngữ *“Rừng có mạch, vách có tai”*, ý nói phải biết giữ mồm giữ miệng. Người ta đều hiểu rằng *“tai vách mạch rừng”* nghĩa là dù ở chốn hoang vắng hay ở trong phòng kín, mọi việc riêng tư to nhỏ vẫn có thể lọt ra ngoài, vì thế, phải cẩn trọng đề phòng.

Để củng cố trí nhớ và để hiểu nghĩa của rất nhiều từ ngữ mới lạ cùng những điển tích chưa biết, tôi đã nhiều lần đọc các văn bản *Truyện Kiều* có phần khảo luận và chú thích. Nhưng ở các câu 1.580 và 1.755 mà tôi nghĩ phải là *“rút dây động rừng”* và *“tai vách mạch rừng”* thì đều lướt qua mà không biết rằng một số người không cho như thế là đúng.

II. Hai câu hỏi cần giải đáp thấu đáo

Khi đọc qua cuốn *Từ điển từ và ngữ Việt Nam* của Nguyễn Lâm (Nxb TP Hồ Chí Minh, xuất bản lần đầu năm 2000, tái bản năm 2006) và phát hiện hàng trăm sai lầm rất nghiêm trọng trong đó (đã công bố vài trăm trường hợp nhưng chưa hết) thì người viết bài này mới biết là, trong cuốn từ điển ấy (và cả trong *Từ điển thành ngữ và tục ngữ Việt Nam* của Nguyễn Lâm, Nxb Văn hóa, 1989) có những cụm từ khá lạ, với những lời giải thích rất đáng ngờ, như sau:

(Những chữ viết tắt: *ng = ngữ; cn = cũng nói; dt = danh từ; đgt = động từ; tng = tục ngữ*. Theo định nghĩa trong cuốn từ điển này thì *ngữ* tức là *thành ngữ*).

- ***dùng mạch vách tai ng*** (*cn* Tai vách mạch dùng) Nếu không thận trọng thì lời nói bí mật của mình lọt vào tai người khác: *Vấn đề này là bí mật quốc gia, phải đề phòng dùng mạch vách tai*.

- ***dứt dây động dùng ng*** (*dùng* đây là *dùng* ở bức vách, có người viết *rừng* là không đúng). Chạm đến một việc nhỏ có thể ảnh hưởng đến cả một việc lớn, như dứt một sợi dây ở bức vách có thể làm rung cả bức vách. *Tôi không muốn làm to chuyện, vì sợ dứt dây động dùng*.

- ***rút dây động dùng ng*** (*dùng* là cốt để trát bức vách). Đả động đến điều gì thì ảnh hưởng đến điều khác: *Kiên anh ta thì làm phiền lòng ông bố là người rất tốt, như thế sẽ là rút dây động dùng* (Nhiều người nói lầm là rút dây động rừng).

- ***tai vách mạch dùng ng*** (*dùng* là nan tre hay nứa để trát vách, có người nói là *rừng* là sai, vì đây là vách và *dùng* trong nhà). Ý nói: phải cẩn thận vì có thể lời nói của mình lọt vào tai người thứ ba, nếu là một điều cần giữ bí mật: *Bàn chuyện đấu tranh, phải đề phòng tai vách mạch dùng*.

Từ điển này cũng cho biết:

- ***dùng₁, dt*** Cốt bằng tre hay nứa, ngoài đắp bùn để làm vách nhà tranh: *Rút dây động dùng (tng); Tai vách mạch dùng (tng)*

- **đứng** Nh đứng₁
- **mạch dùng** Đường khe trong vách: *Trát mạch dùng*

Như vậy, theo ông Nguyễn Lân, hai thành ngữ ở đầu bài này phải là “rút dây động dùng” và “tai vách mạch dùng”, trong đó, **dùng** là cốt bằng tre hay nứa, ngoài đắp bùn để làm vách đất, cũng gọi là *dùng*, còn **mạch dùng** là đường khe trong vách. Bởi thế, trong *Truyện Kiều*, câu 1.580 ắt là “Rút dây sợ nứa động dùng lại thôi”, và câu 1.755 phải là “Ở đây tai vách mạch dùng”.

Thử “dạo chơi” trên mạng Internet để thăm dò ý kiến trả lời cho câu hỏi: “tai vách mạch dùng” hay là “tai vách mạch rùng”, độc giả sẽ gặp khoảng 20 mục tin từ năm 2011 đến nay hầu như ủng hộ ý kiến cho rằng, “tai vách mạch dùng” mới là câu thành ngữ chính xác. Đại đa số các bài nêu ý kiến như vậy đều không ghi tên tác giả. Chỉ thấy ở bài “*Rùng*” hay “*dùng*”, trong câu “*Tai vách, mạch dùng*”? (báo *Người cao tuổi*, ngày 25/10/2013) có tên tác giả Trần Bảo Hưng. (Xem: <http://nguoicaotui.org.vn>). Tuy chỉ có ba-bốn bài nhưng chúng đã có mặt trên vài chục bản tin điện tử hoặc blog cá nhân. Chưa thấy có bài nào bình luận thêm hay phản bác ý kiến đó.

Các bài viết kể trên và một vài văn bản *Truyện Kiều* gần đây cho thấy rằng, ý kiến của ông Nguyễn Lân về việc phải ghi nhận chữ “*dùng*” thay cho chữ “*rùng*” ở câu 1.580 và câu 1.755 trong *Truyện Kiều* cũng được một số người quan tâm và đang có ảnh hưởng khiến ngày càng có thêm những người tin rằng cần phải đổi chữ “*rùng*” trong hai câu thơ rất hay này thành chữ “*dùng*”. Thật ra, trước ông Nguyễn Lân đã có những văn bản *Truyện Kiều* ghi nhận câu 1.755 là “Ở đây tai vách mạch dùng”. Trong hai trường hợp “tai vách mạch dùng” và “tai vách mạch rùng” chỉ có một trường hợp đúng mà thôi. Bởi vậy, cần phải giải đáp hai câu hỏi:

1. rút dây động dùng hay là rút dây động rùng?
2. tai vách mạch dùng hay là tai vách mạch rùng?

Muốn thực hiện hai nhiệm vụ này, trước hết, cần phải tìm hiểu một điều là: các nhà khảo cứu văn bản *Truyện Kiều* đã ghi nhận câu 1.580 và câu 1.755 như thế nào, họ đã giải thích các câu ấy ra sao, để phát hiện điều hợp lý ở chỗ nọ và điều không thỏa đáng ở chỗ kia nhằm chọn được những kiến giải sáng sủa nhất, hợp lý nhất.

III. Sưu tầm các văn bản *Truyện Kiều* để khảo sát câu 1.580 và câu 1.755

Hiện tại, bản *Kim Vân Kiều tân truyện* bằng chữ Nôm do Liễu Văn Đường tàng bản khắc in năm thứ 19 đời Tự Đức (1866) được coi là bản in *Truyện Kiều* cổ nhất. Học giả Trương Vĩnh Ký (1837-1898) là người đầu tiên phiên âm *Truyện Kiều* ra chữ Quốc ngữ, in tại Sài Gòn năm 1875. Tiếp theo, Abel des Michels (1833-1910), Giáo sư Trường Sinh ngữ Đông phương ở Pháp cũng phiên âm *Truyện Kiều* ra chữ Quốc ngữ và công bố tại Paris năm 1884 cùng với bản dịch đầu tiên sang Pháp ngữ. Từ đó trở đi, *Truyện Kiều* được in ra ngày càng nhiều, vừa bằng chữ Nôm (đến đầu thế kỷ 20) vừa bằng chữ Quốc ngữ. Số lần in bằng chữ Quốc ngữ cho đến nay lên đến hàng trăm lần, mỗi bản in đều căn cứ theo văn bản của một nhà khảo đính nào đó. Có khoảng hơn 60 văn bản như vậy (gồm cả các bản dịch, chủ yếu là dịch sang tiếng Pháp).

Để trả lời hai câu hỏi được đặt ra ở mục III này thì cần phải khảo sát câu 1.580 và câu 1.755 trong mọi văn bản *Truyện Kiều* đã được khảo đính hoặc dịch

thuật. Mặc dầu đã cố gắng tìm các văn bản như thế tại Thư viện Quốc gia và Thư viện Khoa học Xã hội ở Hà Nội cùng các tủ sách gia đình của những bạn bè yêu thích *Truyện Kiều* nhưng chúng tôi vẫn không thể tìm hết được. Tuy biết rằng, có nhiều bản *Truyện Kiều* dịch sang tiếng Pháp như bản dịch *Kim Vân Kiều* của Xuân Việt và Xuân Phúc (Paris, 1961); bản dịch *Kim Vân Kiều* của René Crayssac (Nxb Lê Văn Tân, Hà Nội, 1926); bản *Truyện Kiều - Histoire de Kiều* do Lê Cao Phan dịch từ tiếng Việt sang thể thơ tiếng Pháp 12 chữ với phần chú và bình; bản *The tale of Kiều* (dịch sang tiếng Anh) của Huỳnh Sanh Thông (New York, 1973), v.v... nhưng chúng tôi vẫn chưa tìm được. Các bản dịch sang tiếng Pháp cũng là chỗ dựa cho các bản dịch nguyên văn hoặc lược dịch sang các thứ tiếng châu Âu khác như tiếng Đức, tiếng Thụy Điển, tiếng Tiệp, tiếng Ba Lan; lại còn có vài bản dịch sang tiếng Nhật Bản nữa, nhưng chúng tôi chưa có điều kiện chú ý đến.

Cuốn *Đoạn trường tân thanh* bằng chữ Nôm in năm 1902 do Kiều Oánh Mậu (1854-1912) chú thích là một văn bản rất quan trọng từng ảnh hưởng đến rất nhiều bản Quốc ngữ sau đó. Chúng tôi được biết văn bản *Truyện Kiều* bằng chữ Nôm ấy qua ảnh sao chụp trong bản Nôm-Quốc ngữ *Đoạn trường tân thanh - Truyện Kiều đối chiếu Nôm - Quốc ngữ*, Thế Anh phiên âm và khảo dị. (Phiên âm theo bản Nôm *Đoạn trường tân thanh* do Kiều Oánh Mậu chú thích) (Nxb Văn học, 1999) và bản *Truyện Kiều, bản 1902* (bản Kiều Oánh Mậu) do Nguyễn Thế và Phan Anh Dũng sưu tầm, khảo chú và chế bản Nôm, Nhà giáo ưu tú Nguyễn Đình Thắng hiệu đính chữ Nôm (Nxb Thuận Hóa, Huế, 2004). Lời chú thích bằng chữ Hán của Kiều Oánh Mậu tại câu “*Ở đây tai vách mạch rừng*” đã được phiên âm và dịch khá rõ ràng ở lời bình chú câu này trong bản *Truyện Kiều* (Khảo-Bình-Chú), Trần Nho Thìn chủ biên, Nguyễn Tuấn Cường khảo dị, chú thích, bình luận, Nxb Giáo dục, Hà Nội, 2007.

Rốt cuộc, chúng tôi đã trực tiếp xem xét 54 văn bản *Truyện Kiều* (có ghi tên người khảo đính hoặc dịch giả) [**Xem danh mục ở cuối bài**] để khảo sát hiện trạng của câu 1.580 (thường được ghi nhận ở dạng “*Rút dây sợ nữa động rừng lại thôi*”) và câu 1.755 (thường được biết là “*Ở đây tai vách mạch rừng*”). Số văn bản này được chia thành 3 nhóm: Nhóm 1 gồm 28 văn bản Quốc ngữ, ký hiệu từ QN₍₁₎ đến QN₍₂₈₎; Nhóm 2 gồm 15 văn bản Nôm-Quốc ngữ, từ N/QN₍₁₎ đến N/QN₍₁₅₎; Nhóm 3 gồm 10 văn bản Ngoại ngữ-Quốc ngữ, từ NN/QN₍₁₎ đến NN/QN₍₁₀₎ và một bản NN (không có phần Quốc ngữ). Số lượng văn bản đã tìm được tuy chưa cho phép chúng tôi hoàn toàn hài lòng nhưng cũng đã chiếm phần lớn (ước tính trên 80%) tổng số các văn bản khác nhau để khảo sát hiện trạng của câu 1.580 và câu 1.755 trong *Truyện Kiều*.

IV. Khảo sát câu 1.580 trong 54 văn bản *Truyện Kiều* sưu tầm được

A. Câu 1.580 trong 28 bản Quốc ngữ

1. Có 1 bản ghi nhận câu “*Rút dây sợ nữa động dừng lại thôi*”

Duy nhất, chỉ có bản QN₍₁₉₎, *Truyện Kiều đối chiếu* của Phạm Đan Quế (tái bản năm 1999) ghi nhận câu “*Rút dây sợ nữa động **dừng** lại thôi*”, và không có chú thích.

2. Có 27 bản ghi nhận câu “*Rút dây sợ nữa động rừng lại thôi*”

a. Trong số 27 bản này, có 14 bản không chú thích ở câu 1.580, gồm có: QN₍₁₎, QN₍₂₎, QN₍₄₎, QN₍₆₎, QN₍₇₎, QN₍₁₂₎, QN₍₁₇₎, QN₍₁₉₎, QN₍₂₁₎, QN₍₂₂₎, QN₍₂₃₎, QN₍₂₄₎, QN₍₂₇₎, QN₍₂₈₎.

b. Ở 13 bản còn lại, câu này được chú thích như sau:

- QN₍₃₎. *Kim Vân Kiều chú thích (Đoạn trường tân thanh)*, Bùi Khánh Diễm, in lần đầu tiên năm 1924. Chú thích câu 1.580: Tục ngữ: Rút dây chẳng [sic] sợ động rừng. Nghĩa là nói sợ việc này động đến việc khác.

- QN₍₅₎. *Kiều truyện dẫn giải* của Hồ Đắc Hàm (1879-1963). Chú thích: Ý chàng nghĩ bây giờ nói một việc nhỏ như thế nhưng rồi nhân đó mà sinh ra nhiều việc to, vậy cũng ví như rút sợi dây nhỏ mà sợ động đến cả rừng lớn.

- QN₍₈₎. *Kim Vân Kiều* của Đồ Nam cư sĩ. Chú thích: Sợ nói ra làm cho Hoạn Thư tức giận làm tan nát cửa nhà.

- QN₍₉₎. *Truyện Kiều chú giải* của Vân Hạc Lê Văn Hòe (1911-1963). Chú thích: Tục ngữ có câu: *Rút dây động rừng*, ý nói làm một việc nhỏ mà gây ảnh hưởng to, hoặc làm việc ở nơi này mà gây ảnh hưởng đến một chỗ khác. Thúc Sinh sợ nói thật ra thì sinh truyện lời thô to nên lại không nói.

- QN₍₁₀₎. *Truyện Thúy Kiều (Đoạn trường tân thanh)*, Giáo sư Nguyễn Huy chú giải. Chú thích: *Rút dây động rừng*: Câu tục ngữ của ta nói việc làm nhỏ mà gây hại lớn, hay việc làm nơi này động chạm tới nơi khác. Ý câu này, Thúc Sinh e ngại là nói thật ra biết đâu không may nguy hại cho Thúy Kiều.

- QN₍₁₁₎. *Kim Vân Kiều*, Nguyễn Việt Hoài hiệu đính và chú thích. Chú thích câu 1.580: Sợ liên lụy đến Thúy Kiều.

- QN₍₁₃₎. *Truyện Kiều (Đoạn trường tân thanh)*, Nhóm nghiên cứu văn bản *Truyện Kiều*. Chú thích: Rút dây động rừng: Tục ngữ, ý nói rút một sợi dây làm rung chuyển cả một khu rừng.

- QN₍₁₄₎. *Truyện Kiều*, Đào Duy Anh (1904-1987) khảo đính. Chú thích: *Rút dây sợ nữa động rừng*: có câu tục ngữ “*Rút dây động rừng*”, nghĩa là đụng đến cái này sợ ảnh hưởng đến cái khác, nói ra lại sợ lụy đến Thúy Kiều.

- QN₍₁₅₎. *Truyện Kiều*, Văn bản của Đào Duy Anh. Chú thích: Giống như ở bản QN₍₁₄₎ của Đào Duy Anh.

- QN₍₁₆₎. *Truyện Kiều của Nguyễn Du*, Hà Huy Giáp giới thiệu, Nguyễn Thạch Giang khảo đính và chú thích. Chú thích: Thành ngữ: *Rút dây động rừng*, ý nói làm cái này nhưng lại động chạm đến nhiều cái khác, tức nói ra lại sợ lụy đến Kiều.

- QN₍₂₀₎. *Truyện Kiều tập chú*, Trần Văn Chánh, Trần Phước Thiện, Phạm Văn Hòa. Chú thích: (Hán / Anh / Pháp): Rút dây sợ nữa động rừng lại thôi: [抽藤動林 (= rút sợi dây leo, động cả rừng) / Tug on a vine and the forest runs wild (= rút một sợi dây leo thì cả khu rừng náo động) / quand on tire une liane, on ébranle la forêt (= rút một sợi dây leo, làm rung cả khu rừng)].

- QN₍₂₅₎. *Truyện Kiều*, Vũ Ngọc Khánh biên soạn. Chú thích: *Rút dây động rừng*: Tục ngữ, ý nói rút một sợi dây làm rung chuyển cả một khu rừng.

- QN₍₂₆₎. *Truyện Kiều (Khảo-Bình-Chú)*, Trần Nho Thìn và Nguyễn Tuấn Cường. Chú thích: *Rút dây sợ nữa động rừng*: làm một việc nhỏ mà gây ảnh hưởng lớn, như rút một cây leo nhỏ trong rừng lại sợ kinh động cả khu rừng. Tục ngữ: *Rút dây động rừng*.

B. Câu 1.580 trong 15 bản Nôm - Quốc ngữ

Tất cả 15 bản này đều ghi nhận câu 1.580 là “*Rút dây sợ nữa động rừng lại thôi*”. Chữ *rừng* ở phần chữ Nôm của cả 15 bản đều mượn chữ *lăng* 棱 (bộ Mộc 木) của Hán ngữ.

Có 3 bản chú thích ở câu 1.580 (“Rút dây sợ nữa động rừng lại thôi”):

- N/QN₍₄₎. *Truyện Kiều*, Bản Kinh đời Tự Đức, Nguyễn Quảng Tuân chú thích: *Động rừng*: Nghĩa đen là rút sợi dây (cây leo) sẽ làm động cả khu rừng, ý nói nếu thú nhận việc mình lấy vợ lẽ thì sẽ xảy ra việc lớn, lại lụy đến Thúy Kiều.

- N/QN₍₅₎. *Truyện Kiều*, Bản Nôm cổ nhất, năm 1866, Nguyễn Quảng Tuân chú thích: “*Rút dây... động rừng*”: rút sợi dây leo quấn ở trên cây lại sợ động cả khu rừng. Chữ *rừng* ở bản Nôm viết 棱. Cũng có người phiên chữ 棱 là *dùng* và hiểu chữ *dùng* là do chữ *dứng* tức là cốt vách bằng tre, nứa” .

- N/QN₍₁₅₎. *Truyện Kiều*, Văn bản hướng tới phục nguyên. Nguyễn Khắc Bảo chú thích: *Rút dây sợ nữa động rừng*: do tục ngữ “Rút dây động rừng”, nghĩa là trình bày việc này ra, e lại ảnh hưởng lớn đến việc khác to tát hơn.

C. Câu 1.580 trong 10 bản NN/QN và 1 bản Pháp ngữ

Tất cả 11 bản này đều ghi nhận câu 1.580 là “*Rút dây sợ nữa động rừng lại thôi*”. Cụ thể là:

- NN/QN₍₁₎. *Kim Vân Kiều tân truyện*, Abel des Michels phiên âm và dịch sang tiếng Pháp. Đây là bản Pháp ngữ đầu tiên của *Truyện Kiều*, in năm 1884 tại Paris, kèm theo bản chữ Nôm. Câu 1.580 được ghi nhận là “*Rút dây sợ nữa động rừng lại thôi*”, với lời dịch: “de peur qu’en tirant sur une seule liane, toute la forêt ne s’esbranlât et que tout ne fût perdu” (Sợ rằng khi chỉ rút một sợi dây leo thì tất cả khu rừng không chỉ rung động mà mọi thứ đều mất hết).

- NN/QN₍₂₎. *Kim-Vân-Kiều*, Nguyễn Văn Vĩnh dịch sang tiếng Pháp. Câu 1.580 được ghi là “*Dứt dây sợ nữa động rừng lại thôi*”, và dịch sang tiếng Pháp: “Il eût peur, en tirant sur la liane, de remuer toute la forêt, et se tut” (Chàng sợ rằng, nếu dứt một sợi dây leo thì làm rung động cả khu rừng, rồi chàng lặng thinh).

Để cho người Pháp hiểu rõ hơn, dịch giả còn dịch sát từng từ trong câu tiếng Việt sang tiếng Pháp: Dứt (tirer) dây (corde) sợ (craindre) nữa (conséquence) động (remuer) rừng (forêt) lại (de nouveau) thôi (cesser, renoncer). Tiếp đó, kèm theo lời chú thích:

Dứt dây động rừng: en tirant sur une liane, on remue la forêt; et on risque de fair sortir les fauves, de fair peur à soi-même (Proverbe annamite). [Nghĩa là: *Dứt dây động rừng*: khi rút một sợi dây leo, người ta sẽ làm náo động cả khu rừng, và có nguy cơ làm cho thú dữ chạy ra, gây lo sợ cho chính mình (Tục ngữ Việt Nam)].

- QN₍₃₎. *Truyện Kiều*, Nguyễn Khắc Viện dịch sang tiếng Pháp. Câu 1.580: được ghi nhận là “*Rút dây sợ nữa động rừng lại thôi*”, với lời dịch sang tiếng Pháp: “Il avait peur, tirant sur une liane de remuer la forêt” (Chàng sợ rằng, rút một sợi dây leo thì động cả khu rừng).

- NN/QN₍₄₎. *Kim Vân Kiều*, Lê Xuân Thủy dịch sang tiếng Anh. Câu 1.580: “*Rút dây sợ nữa động rừng lại thôi*” được dịch: “all the forest might be shaken if he pulled at a liana” (cả khu rừng có thể bị rung động nếu chàng rút một sợi dây leo).

- NN/QN₍₅₎. *Kieu, Vietnamese-English* (Song ngữ Việt-Anh), Nguyễn Văn Qua dịch. Câu 1.580: “*Rút dây sợ nữa động rừng lại thôi*” được dịch: “He was afraid of pulling out the liana for moving the forest” (= Chàng sợ rút dây thì động cả khu rừng).

- NN/QN₍₆₎. *Kim Vân Kiều*, Nam âm thi tập, Hán văn dịch bản (Bản dịch *Truyện Kiều* sang Hán ngữ, của Trương Cam Vũ). Câu 1.580: “*Rút dây sợ nữa động*

rừng lại thôi.” Dịch sang Hán ngữ: 祇恐藤牽動木林 (Chỉ khủng đằng khiên động mộc lâm = chỉ sợ rút dây động rừng).

- NN/QN₍₇₎. *Truyện Kiều. Kieu* (Bilingual Vietnamese-English). Câu 1.580: “*Rút dây sợ nữa động rừng lại thôi*” được dịch: “lest all the forest trees should tremble if he shook one vine” (= E rằng mọi cây rừng đều rung động nếu chàng lắc một dây leo).

- NN/QN₍₈₎. *Truyện Kiều. The Story of Kieu*, Lê Cao Phan dịch sang tiếng Anh. Câu 1.580: “*Rút dây sợ nữa động rừng lại thôi*” được dịch: “He feared he could by pulling a liana, shake the whole wood” (= Chàng sợ rằng, nếu chàng kéo một sợi dây leo thì có thể làm rung động cả khu rừng). Dịch giả chú thích: A Vietnamese proverb says: “*Dứt dây động rừng*” (By pulling a liana can shake the whole forest, and awake wild beasts). In the context of this story, Thuc avoided raising his love matter lest to incite his wife’s jealousy. [Một câu tục ngữ Việt Nam nói: “*Dứt dây động rừng*” (chỉ kéo một dây leo cũng có thể làm rung động cả khu rừng và đánh thức lũ dã thú). Trong văn cảnh của câu chuyện này, Thúc Sinh đã tránh nhắc đến chuyện tình yêu của mình, sợ kích động nổi ghen tuông của vợ chàng].

- NN/QN₍₉₎. *Histoire de Thuy Kieu*. *Truyện Thúy Kiều*, Lưu Hoài dịch. Câu 1.580: “*Rút dây sợ nữa động rừng lại thôi.*” Dịch sang tiếng Pháp: En tirant la liane, il craignit qu’il puisse remuer la forêt (= Rút sợi dây leo, chàng sợ rằng chàng có thể làm rung động cả khu rừng).

- NN/QN₍₁₀₎. *Truyện Kiều*. Kim Vân Kiều truyện, song ngữ Việt-Hoa, La Trường Sơn dịch. Câu 1.579 và câu 1.580: “*Những là e ấp dùng dằng / Rút dây sợ nữa động rừng lại thôi*” được dịch sang Hán ngữ thành một câu dài: 生怕天机泌漏, 始终闭口不谈, 一声不哼 - Sinh phạ thiên cơ tiết lậu, thủy chung bế khẩu bất đàm, nhất thanh bất hanh (= Thúc Sinh sợ tiết lộ bí mật của số phận nên từ đầu đến cuối cứ ngậm miệng chẳng nói năng gì, không hé một lời).

- Bản NN. *Kim Vân Kiều*, Nouvelle traduction français.

Đây là một bản dịch *Truyện Kiều* sang tiếng Pháp, không đề tên dịch giả, cũng không có bản Quốc ngữ kèm theo, do Nhà in Alexandre de Rhodes phát hành ở Hà Nội năm 1944. Tuy vậy, nhìn vào lời dịch hai câu 1.579, 1.580 sang tiếng Pháp (Et il continuait à trembler et tergiverser, craignant, s’il tirait sur une liane, d’ébranler pour rien toute la forêt = Thế là chàng tiếp tục run rẩy và trù trù, sợ rằng, nếu rút một cái dây leo thì rung động hết cả khu rừng chứ chẳng được việc gì cả) thì chúng ta hiểu ngay rằng, đó là lời dịch từ hai câu thơ “*Những là e ấp dùng dằng / Rút dây sợ nữa động rừng lại thôi*”.

D. Hiện trạng của câu 1.580 trong 54 văn bản *Truyện Kiều* đã nêu

Về câu 1.580, kết quả xem xét 54 văn bản *Truyện Kiều* đã cho thấy rằng:

1. QN₍₁₉₎. *Truyện Kiều đối chiếu* của Phạm Đan Quế (Nxb Hải Phòng, tái bản năm 1999) là bản duy nhất ghi nhận câu “*Rút dây sợ nữa động dùng lại thôi*”. Trước đó, ở bản in lần đầu tiên của cuốn *Truyện Kiều đối chiếu* (Nxb Hà Nội, 1991), câu này vẫn được ghi nhận là “*Rút dây sợ nữa động rừng lại thôi*”.

Tuy nhiên, ông Phạm Đan Quế không cho biết cách hiểu của mình về hai chữ “*dùng*” và “*rừng*”.

2. Có 52 văn bản ghi nhận câu 1.580 là “*Rút dây sợ nữa động rừng lại thôi*”. Riêng dịch giả Nguyễn Văn Vĩnh viết: “*Dứt* dây sợ nữa động rừng lại thôi”.

3. Ở chữ thứ 7 (tức là chữ “*rùng*”), tất cả 15 bản Nôm-Quốc ngữ đều mượn chữ *lãng* 稜 của Hán ngữ. Ví dụ, bản N/QN₍₉₎, *Truyện Kiều*, bản 1902 (bản Kiều Oánh Mậu), Nguyễn Thế và Phan Anh Dũng sưu tầm, khảo chú và chế bản Nôm, ghi:

捩 紵 悖 女 動 稜 吏 催

1.580 Rút dây sợ nữa động *rùng* lại thôi.

4. Lời văn của câu 1.580 trong *Truyện Kiều* từ trước đến nay hầu như hoàn toàn thống nhất ở dạng “*Rút dây sợ nữa động rùng lại thôi*”. Tuy nhiên, trong khoảng 20 năm gần đây, đã xuất hiện “ý kiến trái chiều” của ông Nguyễn Lâm, cho rằng, phải nói là “*rút dây động dưng*” mới đúng. Người đầu tiên (và duy nhất cho đến nay) tiếp nhận ý kiến đó rồi đưa vào văn bản *Truyện Kiều* là ông Phạm Đan Quế, mà hồi năm 1991 vẫn ghi nhận thành ngữ “*rút dây động rùng*”.

V. Qua các từ điển, tìm hiểu nghĩa của các từ ngữ cần khảo sát

Ở hai câu hỏi “*rút dây động dưng* hay là *rút dây động rùng?*” và “*tai vách mạch dưng* hay là *tai vách mạch rùng?*”, có 8 từ đơn là *rút*, *dây*, *động*, *dưng*, *rùng*, *tai*, *vách*, *mạch*. Trong hai câu hỏi đó, những từ đơn, từ ghép và các nhóm từ cần tìm hiểu kỹ gồm có: danh từ *dưng*; 4 từ ghép (*động dưng*, *tai vách*, *mạch dưng*, *mạch rùng*) và 4 cụm từ (*rút dây động dưng*, *rút dây động rùng*, *tai vách mạch dưng*, *tai vách mạch rùng*). Ngoài ra, rất cần lưu ý đến các câu “*Rùng có mạch*, *vách có tai*” và “*Dưng có mạch*, *vách có tai*” trong các từ điển. Ở mỗi cuốn từ điển, chỉ có thể tìm được vài điều mà chúng ta cần tìm hiểu. Vì vậy, phải có càng nhiều từ điển càng tốt, và phải tìm được những quyển từ điển tiếng Việt chứa nhiều từ ngữ nhất từ trước đến nay, từ xa xưa nhất đến gần đây nhất. Chúng tôi đã sưu tầm được 12 quyển từ điển tiếng Việt có dung lượng vào hạng lớn nhất từ thế kỷ 19 đến đầu thế kỷ 21, trong số đó có một quyển không tìm được bất cứ điều nào mình đang cần nên phải loại bỏ. Ngoài ra, cần phải kể đến cuốn *Từ điển Truyện Kiều* của Đào Duy Anh, xuất bản lần đầu tiên năm 1974. Như vậy, tổng số từ điển để xem xét ở đây là 12 cuốn, được đánh số từ (1) đến (12).

(1). *Từ điển Việt-Latin. Dictionarium Anamitico-Latinum* (Nam Việt dương hiệp tự vị - 南越洋合字彙), J. L. Taberd, Serampore (Ấn Độ), 1838. Gọi tắt là *Từ điển Taberd*.

1. Dưng

<div style="border: 1px solid black; border-radius: 50%; width: 20px; height: 20px; display: flex; align-items: center; justify-content: center; margin-bottom: 5px;">停</div> <div style="display: flex; align-items: center; margin-bottom: 5px;"> <div style="width: 15px; height: 15px; border: 1px solid black; margin-right: 5px;"></div>真 </div> <div style="display: flex; align-items: center; margin-bottom: 5px;"> <div style="width: 15px; height: 15px; border: 1px solid black; margin-right: 5px;"></div>擬 </div> <div style="display: flex; align-items: center; margin-bottom: 5px;"> <div style="width: 15px; height: 15px; border: 1px solid black; margin-right: 5px;"></div>膳 </div> <div style="display: flex; align-items: center; margin-bottom: 5px;"> <div style="width: 15px; height: 15px; border: 1px solid black; margin-right: 5px;"></div>船 </div>	<p>Dưng, sistere.</p> <p>— chơn, } id.</p> <p>— nghi, }</p> <p>— phên, objectaculum contra ventum, pluviam, &c. aut parietem frondeum arigere.</p> <p>— thuyền, cymbam sistere.</p>
---	---

Chú thích:

- a. Ở các từ *Dưng chơn* (= *Dưng chơn*); *Dưng nghi*; *Dưng thuyền* thì *Dưng* nghĩa là *thôi*, *đình chỉ*, không tiếp tục nữa (*động từ*).
- b. *Dưng phên* được diễn giải là: “*vật ngăn chặn gió, mưa; cũng là tấm phên bằng lá được dựng lên*”, tức là *bức vách làm từ tấm phên bằng lá ráp lại* (danh từ).

2. “*Rùng có mạch*, *vách có tai*”

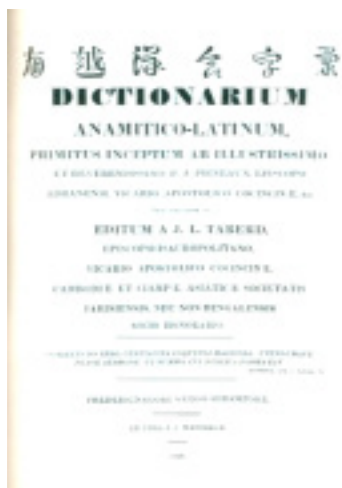
Ở trang 459 của cuốn từ điển này, tại mục từ *tai* 腮 (nghĩa là *cái tai*, *lỗ tai*), sau một loạt từ như *lỗ tai*, *trái tai*, *xỏ tai*, *hoa tai*, *êm tai*, *vang tai*, *sương tai*, *lắng tai*, *sáng tai*, *nặng tai*..., thì có câu tục ngữ “*Rùng có mạch*, *vách có tai*”, ghi thành hai cột, từ phải sang trái (chữ *Tai* 腮 đã có ở đầu mục từ nên không chép lại mà được thay bằng một nét ngang).

壁 稜 }
固 固 }
一 脉 }

rừng có mạch, vách có tai; deserta sca-
turiunt fontibus, parietes ipsi etiam
percipiant auribus; (ubivis adsis,
semper caveto.)

Lời diễn giải bằng tiếng Latin:

Rừng hoang có nhiều mạch nước, bức tường cũng có những cái tai; (bất cứ ở đâu cũng cần đề phòng).



Ba cuốn từ điển tiếng Việt ở thế kỷ XIX
(của J. L. Taberd, Huỳnh Tịnh Paulus Của, J.P.M. Génibrel)

(2). *Đại Nam quốc âm tự vị*, Huỳnh Tịnh Paulus Của, Saigon, Imprimerie REY, CURUIOL & C^{ie}, tập I, 1895; tập II, 1896

1. Dừng:

停 Dừng. *n.* Đứng lại, cấm lại, ngăn ra.

- *chơn*. Đứng lại.
- *bước*. id.
- *thuyền*. Buồng chèo, đậu lại.
- *phên*. Châm phên, làm phên ngăn.
- *vách*. Làm vách ngăn trong nhà, id.
- *che*. Ngăn, che.

Nhận xét: Ở đây, *Dừng* có nghĩa là đứng lại, thôi, đình chỉ, không tiếp tục nữa, không tiến hành nữa; ngoài ra, còn có nghĩa là *ngăn cách* (bằng phên), *che chắn* (bằng vách).

2. Tục ngữ “**Rừng có mạch, vách có tai**” (trang 326, tập II, ở mục từ **tai** 耳) được giải thích: chẳng có chuyện chi kín đáo mà người ta không biết. Tiếng dặn phải cẩn thận lời nói.

3. Thành ngữ “**Tai vách mạch rừng**” được ghi nhận ở mục từ **Mạch** 脉 (trang 5, tập II): *Tai vách mạch rừng*. Ấy là *rừng có mạch, vách có tai*, phải cẩn thận lời nói.

(3). *Từ điển Việt-Pháp. Dictionnaire Annamite-Français*, J. P. M. Génibrel, Deuxième Édition, Saigon, Imprimerie de la Mission à Tân Định, 1898. Gọi tắt là *Từ điển Génibrel*.

1. Dừng:

Các từ *dừng kiệu*, *dừng bước*, *dừng chơn*, *dừng nghỉ*, *dừng thuyền*... và *dừng phên* trong từ điển này đều được hiểu tương tự như ở *Đại Nam quốc âm tự vị*.

2. Mạch rừng; Rừng có mạch

脉 MẠCH. 1. Veine, f. Pouls, m. — lạc, Pouls, m. Artère, f. Kinh —, Artère. — tâu, Pouls faible. — lươn, *Blessure difficile à guérir*. Huyết —, Veine, 2. Source, origine, f. — nước, Source, veine d'eau. — suối, Source, f. Nước —, Eau de source. — mọi ơn phước, *Source de tout bien*, (Dieu). — thơ hương, *Parenté de lettrés*. Famille de lettrés. Thợ —, *Faire jaillir la source (d'un puits)*. 3. — rừng, Clairière, f. Tiều —, Sentier à travers champs. — cưa, Trait de scie. Chạy một —, *Aller, courir d'un trait*. Cửa —, Porte de derrière. Rừng có —, Il y a des sentiers dans la forêt.

Giải thích: Chữ Mạch 脉 có các nghĩa: 1) Ống dẫn trong cơ thể, như *kinh mạch, huyết mạch...* 2) Nguồn nước (Source, origine) như *mạch nước, mạch suối...* 3) Lối đi: *Mạch rừng* = Clairière = chỗ rừng thưa, khoảng rừng để đi qua; *Mạch cưa*: Vết cắt của lưỡi cưa. *Rừng có mạch* = Il y a des sentiers dans la forêt = trong rừng có những lối đi nhỏ.

3. Tai vách: (ở nhóm từ *E tai vách*, mục từ Vách 壁):

壁 n VÁCH. 1. [Bích] [Tường], Mur, m. Muraille, f. — tường, id. Tấm —, Un mur. Le mur. Phên —, Murs, mpl. Cloisons, fpl. E tai —, *Avoir peur des oreilles des murs*, Céd. des rapports. Cặp —, Élever une

Chú thích: *E tai vách* = *Avoir peur des oreilles des murs*, Céd. des rapports = Sợ những cái tai ở các bức tường, tức là sợ những lời bẩm báo (Céd = *C'est-à-dire* = *tức là*). Tóm lại: *E tai vách* = Sợ sự theo dõi.

4. Tai vách mạch rừng = Rừng có mạch, vách có tai (ở mục từ TAI 耳)

耳 n TAI. [Nhĩ], Oreille, f. Lỗ —, id. Les oreilles; Le trou de l'oreille. Lái — (T), Lobe de l'oreille dérobée. Móng — nghe, id. — vách mạch rừng, Les murs ont des oreilles, et les forêts des sources, Céd. Se tenir en garde contre les indiscretions. Rừng có mạch, vách có —, id. — cõ, Oreilles de la meule

Lời giảng: *Tai vách mạch rừng* = Các bức tường đều có những cái tai, các khu rừng đều có những mạch nước (= vách có tai, rừng có mạch). Nghĩa là: Cần giữ gìn để khỏi lộ những điều bí mật. *Rừng có mạch, vách có tai* cũng có nghĩa như thế.

(4). *Việt Nam tự điển*, Hội Khai Trí Tiến Đức, Hà Nội, 1931

Dừng: Cũng nghĩa như chữ “dứng”: *Rút dây động dừng*.

(**Dứng:** Nan để làm cốt vách. Cũng như là “dừng”. *Vách trát dứng*).

Dừng mạch, vách tai (được nêu ra ở mục từ **Vách**, không nêu định nghĩa).

Rút dây động dừng (được nêu ra ở mục từ **Dừng**, không nêu định nghĩa).

Rút dây động rừng (được nêu ra ở mục từ **Rút**, không nêu định nghĩa).

Tai vách, mạch dừng (được nêu ra ở mục từ **Tai**, không nêu định nghĩa).

(5). *Từ điển Việt - Hoa - Pháp* (Dictionnaire Annamite-Chinois-Français), Gustave Hue, Imprimerie Trung Hòa, Hanoi, 1937.

Mạch rừng: Clairière (= khoảng rừng thưa thoáng).

Rừng có mạch, vách có tai: La forêt a des clairières et les cloisons des oreilles (= Khu rừng vẫn có những chỗ thưa thoáng, các bức vách cũng có những lỗ tai).

Tai vách mạch rừng: Oreilles des murs et clairières de la forêt (= Những cái tai của các bức tường và những chỗ thưa thoáng của khu rừng).

(6). *Từ điển Việt-Hán*, Thương vụ ấn thư quán, Bắc Kinh, 1960.

Rút dây động rừng: 抽藤动林 (謂牽一发而动全局) - Trừu đàng động lâm (Vị khiên nhất phát nhi động toàn cục = Nói rằng, kéo một chỗ mà động toàn thể).

Tai vách, mạch rừng: 牆有縫壁有耳; 壁中有耳 - Tường hữu phùng, bích hữu nhĩ; Bích trung hữu nhĩ.

(7). *Việt Nam tự điển*, Lê Văn Đức, Lê Ngọc Trụ hiệu đính, Khai trí, Sài Gòn, 1970.

(Viết tắt: dt = danh từ; tng = tục ngữ; thng = thành ngữ; B = nghĩa bóng)

Dùng dt. Tấm vách thấp bằng lá, bằng phên: **Tai vách mạch dùng** (tng)

Dùng mạch, vách tai tng. Dùng và vách chỉ che khuất người chớ tiếng nói có thể lọt ra ngoài || (B) Khéo có người nghe biết, nên thận trọng.

Tai vách, mạch dùng. thng. Kể vô tình nghe lỏm câu chuyện của mình rồi đi đồn đãi, mặc dầu mình chỉ nói với người thân trong nhà mà thôi, không khác gì tấm phên có tai có miệng vậy.

(8). *Từ điển tiếng Việt*, Văn Tân, Nguyễn Văn Đạm chỉnh lý, bổ sung, in lần thứ hai, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1977. (Viết tắt: *d.* = danh từ; *đg.* = động từ; *Nh.* = như; *ng* = nghĩa; *t.* = tính từ)

Dùng. - *d. Nh.* Dúng, *ng.* 1

(**Dúng** - 1. *d.* Nan làm cốt để đan. (Tối nghĩa. Nên viết là "nan làm cốt để trát vách". LMC).

Mạch dùng - Đường khe trong vách

Tai vách mạch dùng (ở mục từ **dùng**, không nêu định nghĩa).

(9). *Từ điển tiếng Việt*, Hoàng Phê chủ biên. Xuất bản lần đầu tiên năm 1987, in lần thứ tám, có sửa chữa, đợt 2, Nxb Đà Nẵng, 2002.

Rút dây động rừng: Ví trường hợp làm một việc nào đó sẽ động chạm, ảnh hưởng đến nhiều việc khác có liên quan.

Tai vách mạch rừng: Chuyện gì nói riêng với nhau cũng có thể lọt đến tai người khác

(10). *Đại từ điển tiếng Việt*, Nguyễn Như Ý chủ biên, Nxb Văn hóa-Thông tin, 1999. (Viết tắt: dt = danh từ; tng = tục ngữ; đgt = động từ; Nh = như).

dùng₁ dt. Thanh bằng tre, nứa, cài ngang dọc để trát vách: tai vách mạch dùng (tng)

dúng₁: Nh dùng₁

Dùng có mạch, vách có tai: Nh. *Tai vách mạch dùng*

Dùng mạch vách tai: Nh. *Tai vách mạch dùng*

mạch dùng: đường khe trong vách, chạy theo các thanh ken dọc ngang làm cốt cho vách: tai vách mạch dùng.

Rút dây động rừng: Làm một việc dẫn đến ảnh hưởng, động chạm những việc khác có liên quan, có dính líu.

Tai vách mạch dùng (rừng): Dễ bị lộ, dễ bị lan truyền những điều bí mật khi trò chuyện, trao đổi với nhau (dùng: thanh tre nứa cài ngang dọc để trát vách). *Ở đây tai vách mạch dùng, Thấy ai người cũ cũng dùng nhìn chi (Truyện Kiều).*

(**Chú ý:** Thế thì **rừng** cũng có nghĩa là **dùng**, là thanh tre nứa cài ngang dọc để trát vách, còn gọi là **dúng**. Tuy vậy, ở mục từ **rừng** trong từ điển này không hề nêu nghĩa ấy).

(11). *Từ điển từ và ngữ Việt Nam*, Nguyễn Lân, Nxb TP Hồ Chí Minh, 2000, 2006.

Đã nói đến ở đầu mục II (**Hai câu hỏi cần được giải đáp thấu đáo**). Mời độc giả xem lại.

Dưới đây là ảnh và hình vẽ bức **dứng** mà các từ điển (4), (7), (8), (10), (11) gọi là **dùng**



Ảnh trên: Vách đất bị sụt, lộ rõ những thanh **dưng**

Hình bên: Bức **dưng** và người trát vách (trong sách *Kỹ thuật của người An Nam*, Henri Oger, 1909)



(12). *Từ điển Truyện Kiều*, Đào Duy Anh, Nxb Khoa học Xã hội, 1974.

(Ở mỗi từ ngữ, chúng tôi xin bỏ con số chỉ tần suất của từ ngữ đó trong *Truyện Kiều*).

Một năm sau khi cụ Đào Duy Anh qua đời, sách này được tái bản lần thứ nhất (Nxb Khoa học Xã hội, 1989). Phan Ngọc bổ sung và sửa chữa. (Văn bản *Truyện Kiều* kèm theo vẫn y nguyên). Từ đó, có một số thay đổi so với bản đầu tiên, không rõ cụ Đào đã biết hay chưa?

Dùng: Ngừng lại, đứng lại. Vd. *Dùng chân*.

Từ điển này không xem xét **danh từ dùng** mà chỉ có **động từ dùng** như ở dòng trên.

Mạch: 1) Cái khe ở giữa hai hàng gạch hay hai hàng nứa của bức tường hay bức vách. Vd. *Tại vách mạch rùng*, 1.755. 2) Chỉ cái gì không dứt như mạch máu, mạch nước. Vd. *Mạch Tương*, 238. 3) Nghĩa bóng là dòng dõi. Vd. *Mạch thư hương*, 1.061.

Mạch rùng: Khe hở của cái **dùng** hay cái **rùng**, một thứ vách làm bằng nứa đập bẹp. X *Tại vách mạch rùng*, 1.755. Ở bản 1989, ông Phan Ngọc sửa lại: **Mạch dùng**: Td. *Tại vách mạch dùng*, 1.755. Câu này nghĩa là cái vách có tai (**bởi vì người ta có thể nghe qua bức vách**), cái dùng có khe hở. Cái *dùng*, còn gọi cái *dứng* là cái phen (Tab, Gén) làm bằng nứa đập bẹp. *Dùng* là đối với *vách*, chứ không phải là *rùng* rú. (Tab và Gén nghĩa là: theo các từ điển của J. L. Taberd và của J. F. M. Génibrel - LMC).

Rút dây sớ nữa động rùng, 1.580: Có câu tục ngữ “*Rút dây động rùng*”, nghĩa là đụng đến cái này sợ ảnh hưởng lớn đến cái khác, nói ra lại sợ lụy đến Thúy Kiều.

Rừng (9). Vd. *Rừng* thu, 917, 1.091, 1.128, 1.520, 1.580, 1.755, 1.926, 2.995, 3.006.

Số (9) nghĩa là từ “rừng” được sử dụng 9 lần, ở các câu ứng với 9 con số vừa kể. Soạn giả không nêu định nghĩa về từ **rừng**, hẳn là vì từ này quá thông dụng, ai cũng biết nên không cần nêu định nghĩa như ở các quyển từ điển phổ thông. Ở bản in năm 1989, sau chữ **Rừng** và số (9), ông Phan Ngọc đã thêm mấy chữ để định nghĩa về rừng: Nơi cây cối mọc rậm rạp.

Tai vách mạch rừng (dùng), 1.755: Do câu tục ngữ: “Rừng có mạch, vách có tai”, ý nói những điều nói riêng có thể lọt ra ngoài cho người khác nghe được, nên phải giữ mồm giữ miệng. X. *Mạch rừng*.

(**Chú ý:** Khi giảng nghĩa từ **Mạch rừng**, cụ Đào Duy Anh xác nhận *rừng cũng là dùng*, là một thứ vách làm bằng nửa đập bẹp. Về sau, ông Phan Ngọc đã chữa từ **Mạch rừng** thành **Mạch dùng** và nêu thí dụ về nhóm từ *Tai vách mạch dùng* ở câu 1.755 trong *Truyện Kiều*, dường như là để khắc phục mâu thuẫn trong từ điển của cụ Đào Duy Anh. Tuy nhiên, trong văn bản *Truyện Kiều* kèm theo *Từ điển Truyện Kiều* thì câu 1.755 vẫn là “*Ở đây tai vách mạch rừng*”).

VI. “Rút dây động dùng” và “Rút dây động rừng”, câu nào đúng?

1. “Rút dây động dùng” là một thành ngữ ngụy tạo, không có thật

Độc giả đã nhìn thấy hình ảnh của bức dùng, mà theo các từ điển (4), (7), (8), (10), (11) cũng gọi là cái *dùng*. Ở cái *dùng* ấy, chỉ có những dây nhỏ buộc các thanh ngang với các thanh dọc, làm gì có dây nào khác để mà rút? Sau khi đã trát thành bức vách kín, đôi khi có những cọng rơm hay mối lạt lòi ra thì người ta ngắt đi hoặc cắt đi cho gọn, cho khỏi chướng mắt, chẳng ai rút chúng, chẳng rút để làm gì, không phải như việc “rút dây” trong rừng để dùng hay để bán. Nếu có kẻ nào đó vô ý thức, ra sức giật cọng rơm hoặc mối lạt lòi ra thì cũng chỉ có thể làm cho vách đất bị lở một đám bằng cái lá chanh hay lớn bằng lá bưởi là cùng, nhưng cũng không thể “động dùng” được. Chỉ những kẻ ngứa tay ngứa chân mới làm cái việc vô tích sự ấy. Trong thực tế, không ở đâu xảy ra việc “rút dây động dùng”. Nếu hiểu **dùng** là bức vách bằng phen thì cũng không thể có chuyện “rút dây động dùng”, vì ở tấm phen thì có dây gì để rút, và rút để làm gì?

Mọi sự việc hoặc hiện tượng thường thấy ở nhiều nơi thì mới được người đời quan sát, suy nghĩ để đúc kết ra bài học kinh nghiệm rồi đi vào ca dao, tục ngữ hay thành ngữ. Một việc vu vơ, vô nghĩa, chỉ xảy ra ở những kẻ không bình thường, lẽ nào lại dễ dàng đi vào kho tàng thành ngữ và tục ngữ của chúng ta?

May mắn thay, tuyệt đại đa số các nhà khảo chú *Truyện Kiều* đều không ghi nhận câu “*Rút dây động dùng*”. Chỉ có từ điển (4) của Hội Khai Trí Tiến Đức và từ điển (11) của Nguyễn Lâm ghi nhận câu này. Trong số 54 văn bản *Truyện Kiều* đã được xem xét, chỉ ở bản QN₍₁₉₎, *Truyện Kiều đối chiếu* (tái bản), nhà biên khảo Phạm Đan Quế đã chữa câu “*Rút dây sợ nữa động rừng lại thôi*” thành ra “*Rút dây sợ nữa động dùng lại thôi*”.

2. “Rút dây động rừng” còn có ý nghĩa triết lý

“Rút dây” trong rừng là một công việc cần thiết, không thể thiếu trong đời sống của cộng đồng xã hội Việt Nam cách đây không lâu, vì con người luôn luôn cần các thứ dây, các cỡ dây. “Rút dây” là một việc làm có ý thức, với mục đích là

tìm cái cần dùng hoặc tìm mối lợi chứ không phải là một động tác vớ vẩn như việc dứt cọng rơm bồm xồm ở bức vách. Từ xưa đến nay người ta vẫn phải vào rừng “rút dây”. Câu “*Rút dây động rừng*” nói lên một mối quan hệ nhân quả mà ai cũng biết, thường được hiểu là “làm một việc mà tác động đến nhiều việc khác”. Đa số các nhà khảo chú *Truyện Kiều* đều giải thích như thế. Còn có thể hiểu là: “mọi hoạt động của con người đều tác động đến môi trường”, hoặc là: “mãi theo đuổi một món lợi nhỏ, có khi lại gặp rắc rối to”. Điều mấu chốt là, khi “rút dây”, phải ước lượng được mức độ “động rừng”, phải biết lựa chiều mà “rút dây”, phải biết tiến thoái đúng lúc, phải biết dây nào thì không nên rút. Nếu hễ cứ thấy dây là huy động sức lực để rút cho được mới thôi, để cho cơn động rừng xảy ra quá lớn thì ắt phải chịu tai họa. Đã định vào rừng “rút dây” mà cứ nấn ná, “Rút dây sợ nữa động rừng lại thôi” thì làm sao có dây mang về dùng hoặc bán để có tiền mua gạo?

Thúc Sinh là một kẻ suy nghĩ hời hợt, lại nhút nhát. Anh ta chỉ hiểu câu “*Rút dây động rừng*” theo nghĩa quá đơn giản, qua loa, mà thực chất là chưa thấm nhuần lời dạy dò có suy nghĩ tinh táo của Thúy Kiều khi nàng tiễn mình trước chuyến đi “thú tội” với vợ chính:

- 1.505 *Nàng rằng: “Non nước xa khơi,
Sao cho trong ấm, thì ngoài mới êm.
Dễ lòa yếm thắm trôn kim,
Làm chi bưng mắt bắt chim khó lòng.
Đòi ta chút nghĩa đèo bồng,*
- 1.510 *Đến nhà trước liệu nói sòng cho mình.
Dù khi sóng gió bất tình,
Lớn ra uy lớn, tôi đành phận tôi.
Hơn điều giấu ngược giấu xuôi,
Lại mang những việc tày trời đến sau.*
- 1.515 *Thương nhau xin nhớ lời nhau,
Năm chày cũng chẳng đi đâu mà chày.
Chén đưa nhớ bữa hôm nay,
Chén mừng xin đợi ngày này năm sau”*

Quả là Thúy Kiều đã suy nghĩ chín chắn để tìm cách “rút dây” sao cho cơn động rừng sẽ không quá ghê gớm. Nàng sẵn sàng chịu đựng hậu quả khi xảy ra sóng gió, miễn là cuộc tình duyên của nàng với Thúc Sinh trở nên công khai, minh bạch, và hy vọng rằng, một năm sau, khi Thúc Sinh trở lại Lâm Truy, nàng sẽ được đón nhận tin vui. Nếu Thúc Sinh làm theo lời Thúy Kiều thì có lẽ dự tính của nàng sẽ trở thành sự thực. Bởi vì, Hoạn Thư đầy mưu kế nhưng cũng biết cân nhắc hành động của mình. Nếu Thúc Sinh thành khẩn “thú tội” thì cô ta cũng sẵn sàng đối xử cao thượng, để cho “êm chuyện” chứ không đối xử với Thúy Kiều quá nghiệt ngã, nhưng nếu không “biết điều” thì cô ta sẽ trừng trị đến nơi đến chốn. Cô ta thâm nghĩ:

- 1.540 *“Vị bằng thú thật cùng ta,
Cũng dung kẻ dưới mới là lượng trên.
Đại chi chẳng giữ lấy nên,
Tốt chi mà rước tiếng ghen vào mình.
Lại còn bưng bít giấu quanh,
Làm chi những thói trẻ ranh nực cười.*

- 1.545 *Tính rằng cách mặt khuất lời,
Giấu ta, ta cũng liệu bài giấu cho.
Lo gì việc ấy mà lo,
Kiến trong miệng chén lại bỏ đi đâu?
Làm cho nhìn chẳng được nhau,*
- 1.550 *Làm cho đây đọa cát đầu chẳng lên.
Làm cho trông thấy nhãn tiền,
Cho người thăm ván bán thuyền biết tay”.*

Nếu Thúc Sinh sáng suốt hơn, không rơi vào tình trạng e ấp dè dặt, “rút dây sợ nữa động rừng lại thôi” thì có lẽ Hoạn Thư đã đối xử với Thúy Kiều theo một cách khác, ít cay độc hơn, ít nghiệt ngã hơn. Việc Hoạn Thư không sẵn đuổi khi Thúy Kiều lấy trộm một số đồ thờ cúng rồi bỏ trốn cho phép mọi người có thể tin những lời tự sự của cô ấy.

(Còn tiếp)

L M C

DANH MỤC 54 VĂN BẢN TRUYỆN KIỀU ĐÃ ĐƯỢC SƯU TẦM

1) Nhóm 1: 28 bản Quốc ngữ

- QN₍₁₎. *Poème KIM VÂN KIỀU* truyện, Transcrit pour la première fois en Quốc ngữ par P.J.B. Trương Vĩnh Ký, Saigon, Bản in nhà nước, 1875.
- QN₍₂₎. *Kim Túy tình từ tức Truyện Kiều chánh gốc*, Phạm Kim Chi phiên âm. Xuất bản lần đầu: Saigon, Imprimerie Huỳnh Kim Danh, 1917. Bản kỷ nhì, Nxb Tri tân, Cần Thơ, 1973.
- QN₍₃₎. *Kim Vân Kiều chú thích (Đoạn trường tân thanh)*, Bùi Khánh Diễm chú thích, Nhà in Ngô Tử Hạ, Hà Nội, 1924. In lần thứ hai, 1926. In lần thứ ba, Nxb Sống mới, Sài Gòn, 1960.
- QN₍₄₎. *Truyện Kiều*, Bùi Kỷ - Trần Trọng Kim hiệu khảo, In lần thứ nhất, Việt văn thư xã, Vĩnh Hưng Long thư quán, Hà Nội, 1925. In lần thứ ba, Tân Việt, Sài Gòn, 1950.
- QN₍₅₎. *Kiểu truyện dẫn giải*, Hồ Đắc Hàm, In lần thứ nhất, Nhà in Đắc lập, Huế, 1929.
- QN₍₆₎. *Truyện Kiều (Đoạn trường tân thanh)*, Nông Sơn Nguyễn Can Mộng hiệu đính và chú thích, Imprimerie D'extrême Orient, Hanoi, 1936.
- QN₍₇₎. *Vương Thúy Kiều chú giải tân truyện*, Tân Đà Nguyễn Khắc Hiếu, Nxb Tân dân, Hà Nội, 1941. Nxb Thế giới, Hà Nội, 2000 (In theo bản Hương Sơn, Hà Nội, 1952).
- QN₍₈₎. *Kim Vân Kiều*, Đồ Nam cư sĩ dịch và chú thích, Nxb Ngày mai, Hà Nội, 1948.
- QN₍₉₎. *Truyện Kiều chú giải*, Văn Hạc Lê Văn Hòe chú giải, hiệu đính, bình luận, Quốc học thư xã, Hà Nội, 1953.
- QN₍₁₀₎. *Truyện Thúy Kiều (Đoạn trường tân thanh)*, Giáo sư Nguyễn Huy chú giải, Tủ sách giáo khoa, Nxb Á Châu, Hà Nội, 1954.
- QN₍₁₁₎. *Kim Vân Kiều*, Nguyễn Việt Hoài hiệu đính và chú thích, Nxb Kuy Sơn, Hà Nội, 1954.
- QN₍₁₂₎. *Truyện Kiều, Lược khảo, lược chú*, Bùi Kỷ, Nxb Phổ thông, Hà Nội, 1960.
- QN₍₁₃₎. *Truyện Kiều (Đoạn trường tân thanh)*, Nhóm Nghiên cứu văn bản *Truyện Kiều*, Viện Văn học, Nxb Văn học, Hà Nội, 1965.
- QN₍₁₄₎. *Truyện Kiều*, Đào Duy Anh khảo đính, in kèm theo *Từ điển Truyện Kiều*, in lần thứ nhất, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1974.
- QN₍₁₅₎. *Truyện Kiều, Văn bản và cơ sở chú giải*, Đào Duy Anh. Hiệu đính: Thế Lữ, Xuân Diệu, Huy Cận, Chế Lan Viên, Nguyễn Công Hoan, Hoài Thanh, Tuấn Đô, Nxb Đà Nẵng, 2002.
- QN₍₁₆₎. *Truyện Kiều của Nguyễn Du*, Hà Huy Giáp giới thiệu, Nguyễn Thạch Giang khảo đính và chú thích, Nxb Văn hóa-Thông tin, Hà Nội, 2000.
- QN₍₁₇₎. *Tìm nguyên tác Truyện Kiều*, Vũ Văn Kính hiệu khảo, Nxb Văn nghệ TP Hồ Chí Minh-Trung tâm Nghiên cứu Quốc học, 1998.
- QN₍₁₈₎. *Truyện Kiều đối chiếu*, Phạm Đan Quế (Bản dịch *Kim Vân Kiều - Thanh Tâm tài tử* của Tô Nam-Nguyễn Đình Diệm), Phan Ngọc giới thiệu, In lần thứ nhất, Nxb Hà Nội, 1991.

- QN⁽¹⁹⁾. *Truyện Kiều đối chiếu*, Phạm Đan Quế (Bản dịch *Kim Vân Kiều - Thanh Tâm tài tử* của Tô Nam-Nguyễn Đình Diệm), Phan Ngọc giới thiệu, tái bản lần 1, Hải Phòng, 1999.
- QN⁽²⁰⁾. *Truyện Kiều tập chú*, Trần Văn Chánh, Trần Phước Thiện, Phạm Văn Hòa, Nxb Đà Nẵng, 1999.
- QN⁽²¹⁾. *Truyện Kiều*, Bùi Hạnh Cẩn, Hoài Ý biên dịch (ghi ở trang cuối cùng), Nxb Văn hóa-Thông tin, Hà Nội, 1999.
- QN⁽²²⁾. *Đoạn trường tân thanh* (Bản khắc năm 1834), Nguyễn Thạch Giang phiên khảo (không có bản chữ Nôm kèm theo), Nxb Văn hóa-Thông tin, Hà Nội, 2005.
- QN⁽²³⁾. *Truyện Kiều (Tìm về Đoạn trường tân thanh)*, Đinh Trần Cường khảo biện và chú thích, Hội Văn nghệ Hà Tĩnh xuất bản, 2005.
- QN⁽²⁴⁾. *So sánh dị bản Truyện Kiều*, Lê Quế, Nxb Hội Nhà văn, Hà Nội, 2005.
- QN⁽²⁵⁾. *Truyện Kiều*, Vũ Ngọc Khánh biên soạn, Nxb Hải Phòng, 2006.
- QN⁽²⁶⁾. *Truyện Kiều* (Khảo - Bình - Chú), Trần Nho Thìn (chủ biên), Nguyễn Tuấn Cường (khảo dị, chú thích, bình luận), Nxb Giáo dục, Hà Nội, 2007.
- QN⁽²⁷⁾. *Truyện Kiều - Hướng về nguyên tác*, Phạm Đức Huân tuyển chọn và chú thích, Nxb Văn hóa-Thông tin, Hà Nội, 2008.
- QN⁽²⁸⁾. *Truyện Kiều - Đoạn trường tân thanh*, Nguyễn Văn Hoàn, Nguyễn Sĩ Lâm, Nguyễn Đức Văn chú giải, Nxb Thanh niên, Hà Nội, 2013.

2) Nhóm 2: 15 bản Nôm - Quốc ngữ

- N/QN⁽¹⁾. *Thúy Kiều truyện tường chú*, Chiêm Vân Thị chú đính, Lê Mạnh Liêu phiên dịch, Bộ Giáo dục xuất bản, Sài Gòn, 1965.
- N/QN⁽²⁾. *Tư liệu Truyện Kiều*, Bản Duy Minh Thị 1872, Nguyễn Tài Cẩn giới thiệu, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, 2002.
- N/QN⁽³⁾. *Truyện Kiều*, Bản Nôm cổ nhất Liễu Văn Đường 1871, Nguyễn Quảng Tuân phiên âm và khảo dị, Nxb Văn học-Trung tâm Nghiên cứu Quốc học, 2002.
- N/QN⁽⁴⁾. *Truyện Kiều*, Bản Kinh đời Tự Đức, Nguyễn Quảng Tuân phiên âm, khảo dị, Nxb Văn học-Trung tâm Nghiên cứu Quốc học, 2003.
- N/QN⁽⁵⁾. *Truyện Kiều*, Bản Nôm cổ nhất 1866 mới phát hiện, Nguyễn Quảng Tuân phiên âm, khảo dị và chú giải, Nxb Văn học-Trung tâm Nghiên cứu Quốc học, 2004.
- N/QN⁽⁶⁾. *Truyện Kiều*, Bản Nôm Duy Minh Thị, Nguyễn Quảng Tuân phiên âm và khảo đính, Nxb Khoa học Xã hội, 2010.
- N/QN⁽⁷⁾. *Truyện Kiều*, Bản cổ nhất (khắc in năm 1866, Liễu Văn Đường - Tự Đức thập cửu niên), Nguyễn Khắc Bảo, Nguyễn Trí Sơn phiên âm và khảo đính 10 bản Kiều Nôm cổ, Nxb Nghệ An, 2004.
- N/QN⁽⁸⁾. *Đoạn trường tân thanh, Truyện Kiều đối chiếu Nôm-Quốc ngữ*, Thế Anh phiên âm và khảo dị, (Phiên âm theo bản Nôm *Đoạn trường tân thanh* do Kiều Oánh Mậu chú thích, in năm Thành Thái thứ 4, Nhâm Dần, 1902), Nxb Văn học, 1999.
- N/QN⁽⁹⁾. *Truyện Kiều*, Bản 1902 (bản Kiều Oánh Mậu), Sưu tầm, khảo chú và chế bản Nôm: Nguyễn Thế và Phan Anh Dũng, hiệu đính chữ Nôm: Nhà giáo ưu tú Nguyễn Đình Thảng, Nxb Thuận Hóa, Huế, 2004.
- N/QN⁽¹⁰⁾. *Đoạn trường tân thanh, Đối chiếu Nôm-Quốc ngữ*, Nguyễn Huy Hùng (Houston, Texas, Hoa Kỳ) thực hiện từ một bản Nôm-Hán do Tăng Hữu Ứng chép tay năm Tự Đức thứ 27, 1874, hoàn thành năm 2002 và công bố trên mạng Internet “không có ý giữ bản quyền”.
- N/QN⁽¹¹⁾. *Truyện Kiều Nôm-Quốc ngữ đối chiếu*, TS Phan Tử Phùng biên soạn, in chữ Nôm theo hàng ngang tương ứng với từng câu của bản Quốc ngữ, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội, 2008.
- N/QN⁽¹²⁾. *Truyện Kiều*, Bản UNESCO, Quốc ngữ - Nôm đối chiếu, TS Phan Tử Phùng (chủ biên), Phan Văn Các, Thế Anh, Nguyễn Khắc Bảo, Trần Thế Hào, Trần Đình Tuấn, Nxb Lao động, Hà Nội, 2013.
- N/QN⁽¹³⁾. *Truyện Kiều*, Bản Nôm Thịnh Mỹ Đường, Tự Đức, Kỷ Mão 1879, Nguyễn Khắc Bảo phiên âm và khảo chú, Nxb Văn hóa dân tộc, Hà Nội, 2004.
- N/QN⁽¹⁴⁾. *Truyện Kiều đối chiếu Nôm - Quốc ngữ*, Vũ Văn Kính khảo lục, Nxb Văn nghệ TP Hồ Chí Minh, 2001.

- N/QN⁽¹⁵⁾. *Truyện Kiều*, Văn bản hướng tới phục nguyên, Nguyễn Khắc Bảo khảo đính và chú giải, Nxb Giáo dục, Hà Nội, 2009.

3) Nhóm 3: 10 bản Ngoại ngữ - Quốc ngữ + 1 bản Pháp ngữ

- NN/QN⁽¹⁾. *Kim Vân Kiều tân truyện*, Abel des Michels, Publié et traduit pour la première fois, Ernest Laroux Editeur, Paris, 1884.
- NN/QN⁽²⁾. *Kim-Vân-Kiều*, Traduction en français par Nguyen-Van-Vinh, Hanoi, Editions Alexandre de Rhodes, 1942.
- NN/QN⁽³⁾. *Truyện Kiều*, Nguyễn Khắc Viện dịch sang tiếng Pháp, Nxb Ngoại văn, Hà Nội, 1965. In lại trong *Truyện Kiều và nghiên cứu sáng tác văn học*, Nxb Văn hóa, Sài Gòn, 2007.
- NN/QN⁽⁴⁾. *Kim Vân Kiều*, English translation, Lê Xuân Thủy, Nxb Khai trí, Sài Gòn, 1963.
- NN/QN⁽⁵⁾. *Kieu*, Vietnamese - English (Song ngữ Việt-Anh), Translated by Nguyễn Văn Qua, Nxb Văn hóa-Thông tin, 2005.
- NN/QN⁽⁶⁾. *Kim Vân Kiều. Nam âm thi tập*, Hán văn dịch bản, Hán-Việt đối chiếu, Dịch giả: Trương Cam Vũ, Nxb Văn nghệ, TP Hồ Chí Minh, 1994.
- NN/QN⁽⁷⁾. *Truyện Kiều*. *Kieu* (Bilingual Vietnamese-English). Translation: Michael Counsell, Thế giới Publishers, Hà Nội, 2011.
- NN/QN⁽⁸⁾. *Truyện Kiều. The Story of Kieu*, Lê Cao Phan dịch sang tiếng Anh, Nxb Văn nghệ TP Hồ Chí Minh, 1996.
- NN/QN⁽⁹⁾. *Histoire de Thuy Kieu. Truyện Thúy Kiều*, Traduction française en vers libres par Lưu Hoài, Nxb Văn học, Hà Nội, 1993.
- NN/QN⁽¹⁰⁾. *Truyện Kiều. Kim Vân Kiều truyện*, Song ngữ Việt-Hoa, La Trường Sơn dịch, Nxb Văn nghệ TP Hồ Chí Minh, 2006.
- NN. *Kim Vân Kiều*. Nouvelle traduction française, Hà Nội, Editions Alexandre de Rhodes, 1944. (Không kèm theo bản Quốc ngữ).

TÓM TẮT

“Rút dây động rừng” và “Tai vách mạch rừng” là những câu thành ngữ quen thuộc của người Việt, được Nguyễn Du đưa vào hai câu thơ trong *Truyện Kiều*: “Rút dây, sợ nữa động rừng lại thôi” (câu 1.580) và “Ở đây, tai vách mạch rừng” (câu 1.755). Tuy nhiên, vào khoảng đầu thế kỷ 20, một số nhà nghiên cứu đã cải biến chữ “rừng” trong 2 câu thành ngữ trên thành chữ “dùng” (nghĩa là bức tường, bức vách), rồi sửa luôn cả 2 câu thơ 1.580 và 1.755 trong *Truyện Kiều*, làm sai ý sai lời của đại thi hào họ Nguyễn. Tuy vẫn có nhiều nhà khảo chú *Truyện Kiều* không chấp nhận sự cải biến ấy, nhưng chưa thấy ai lên tiếng chấn chỉnh, để cho tình trạng sai đúng lẫn lộn song hành trong suốt cả một thời gian dài.

Bài viết này khảo luận về hai câu thành ngữ nói trên, với mong muốn có thể xác định dứt khoát một chữ “rừng” hay “dùng” trong hai câu thành ngữ ấy, như một bước tìm về nguyên tác *Truyện Kiều*.

ABSTRACT

A STEP OF RETURNING TO THE ORIGINAL OF THE TALE OF KIỀU INVESTIGATING INTO TWO PROVERBS “RÚT DÂY ĐỘNG RỪNG” VÀ “TAI VÁCH MẠCH RỪNG”

“Rút dây động rừng” [A chain is no stronger than its weakest link] and “Tai vách mạch rừng” [Fields have eyes, and woods have ears/Walls have ears] are the familiar Vietnamese proverbs inserted into two verses in *the Tale of Kiều* by Nguyễn Du: “Rút dây, sợ nữa động rừng lại thôi” (verse 1,580) and “Ở đây, tai vách mạch rừng” (verse 1,755). However, in the early 20th century, due to misunderstanding great poet Nguyễn Du’s idea and words, some researchers changed the word “rừng” [woods/forest] in these two proverbs into “dùng” [wall, wattle], then changed two verses 1,580 and 1,755 in *the Tale of Kiều*. Although many annotators of *the Tale of Kiều* do not accept that change, no one expresses his opinion to correct it, which has caused confusion for a length of time.

This article aims to investigate into two proverbs mentioned above, with the desire to be able to definitively determine which word is correct, “rừng” [woods/forest] or “dùng” [wall, wattle], as a step of returning to the original of *the Tale of Kiều*.